TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LƯƠNG SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HS -ST
Ngày 08 - 05 -2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trường Giang

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Hoàng

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tân Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/TLST-HS ngày 25 tháng 03 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/HSST-QĐ ngày 25/4/2024 đối với:

*Bị cáo***:** Bùi Văn C; sinh năm 1989, tại L, Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm L, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 5/12; dân tộc Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C1 và bà Bùi Thị L; có vợ Bùi Thị N (đã ly hôn) và 01 con; gia đình bị cáo có 4 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2023, tại nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh Hòa Bình đến nay - có mặt tại phiên tòa.

Bị hại

- Bà Nguyễn Thị H; sinh năm 1975; trú tại: Xóm C, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình – Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. Đinh Thị H1; sinh năm 1994; trú tại: L, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình – Có mặt.

2. Chu Thị M; sinh năm 1987; trú tại: Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình – Vắng mặt.

3. Bùi Thị N; sinh năm 1993; trú tại: Xóm C, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình – Vắng mặt.

4. Hoàng Thị C2; sinh năm 1995, trú tại: Tiểu khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2022, qua các mối quan hệ xã hội Đinh Thị H1, quen biết Bùi Văn C, thời gian này C thường xuyên qua địa bàn xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình, gặp mặt H1. C giới thiệu với H1 mình tên là H2 là người chuyên làm thủ tục liên quan đến đất đai như làm sổ đỏ, chuyển nhượng, thừa kế …. Đồng thời trong nhiều lần ăn uống với nhau C nói với H1 quen biết nhiều lãnh đạo, có quan hệ rộng và nói với H1 biết nhà nào có nhu cầu làm thủ tục đất đai thì giới thiệu cho C, C sẽ chia hoa hồng cho H1.

Do biết gia đình bà Nguyễn Thị H (là dì họ của H1) trước đó có chuyển nhượng 03 thửa đất ở T, L, Hòa Bình cho một người tên là B ở Nghệ An với giá 4.800.000.000 đồng, sau khi làm thủ tục chuyển nhượng song bên mua mới thanh toán 4.400.000.000 đồng, còn thiếu 400.000.000 đồng chưa trả theo thỏa thuận. H1 nói chuyện này với C và hỏi C có khả năng giúp bà H không, C bảo có thể giúp được. H1 nói với bà H nhờ C giúp, bà H đồng ý và nói H1 đưa C qua nhà bà H để nói chuyện.

Khoảng đầu tháng 6 năm 2022, H1 dẫn C đến nhà bà H tại xóm C, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình, để nói chuyện nhà bà H. Tại đây, C, bà H, chị H1 và chị Hoàng Thị C2 (con gái bà H). Ngồi nói chuyện, C tự giới thiệu mình quen biết nhiều người, có quan hệ rộng, hứa hẹn trong 03 tháng sẽ giúp bà H đòi lại khoản tiền bên mua còn thiếu. Chức yêu cầu bà H phải đưa cho C 150.000.000 đồng để C lo giúp việc nhà bà H. Chức hỏi bà H chuyển nhượng đất công chứng ở đâu thì bà H bảo là công chứng ở Văn phòng C4 (nay là văn phòng C5). Chức hứa hẹn là sẽ ra Văn phòng

công chứng rút hồ sơ để lo thủ tục đòi tiền. Qua bàn bạc tại nhà bà H hai bên không viết giấy tờ gì, sau đó C ra về.

Sau khi C về H1 trao đổi với bà H thì bà H nhờ H1 xin C bớt tiền cho bà H. Chị H1 trao đổi lại với C thì C bảo bớt cho bà H 20.000.000 đồng, còn 130.000.000 đồng đưa luôn tiền mặt thì C giúp C nhận làm và hứa hẹn chia cho chị H1 10.000.000 đồng tiền hoa hồng. Chị H1 nói chuyện với bà H thì bà H đồng ý, Chị H1 báo lại cho C nhà bà H đồng ý với mức tiền 130.000.000 đồng, sau đó C nhắn tin và gọi điện cho chị H1 bảo bà H chuyển tiền cho C thông qua tài khoản của chị H1. chị H1 liên lạc với bà H nói chuyển tiền cho chị H1.

Bà H đã nói với chị C2 hai lần chuyển tiền từ tài khoản của chị C2 qua tài khoản cho chị H1: lần thứ nhất từ ngày 05/06/2022 chị C2 chuyển 100.000.000 đồng, ngày 06/6/2022 chị C2 chuyển là 30.00.000 đồng.

Sau khi C2 chuyển tiền vào tài khoản của H1, H1 liên lạc với C thì C hướng dẫn H1 chuyển vào hai số tài khoản khác nhau, tổng số tiền 120.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 06/06/2022, H1 chuyển khoản 95.000.000 vào số tài khoản 0704261913, Ngân hàng S tên chủ tài khoản LAM VAN HOAI, nội dung chuyển tiền Chức hướng dẫn ghi ***"anh*** H2 ***gửi trả tiền"***. Ngày 07/6/2022 H1 chuyển khoản 25.000.000 đồng vào số tài khoản 1020722097, ngân hàng V chủ tài khoản CHU THỊ MO, lần chuyển tiền này C không yêu cầu ghi nội dung như thế nào, còn lại 10.000.000 đồng H1 giữ lại là tiền hoa hồng cho việc giới thiệu việc làm với C như hứa hẹn trước đó.

Sau khi nhận được tiền H1 chuyển, C đã sử dụng hết vào mục đích chi tiêu cá nhân, không thực hiện theo thỏa thuận, hứa hẹn với bà H. Sau khi hết 3 tháng, không thấy C giải quyết công việc đã hứa, bà H, H1 liên lạc nhiều lần với C thì C cắt liên lạc bỏ trốn khỏi địa phương.

Quá trình điều tra xác định tài khoản LAM VAN HOAI là của là của ông Lâm Văn H3; sinh năm 1969, HKTT: Khu phố E, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Bùi Văn C khai nhận: Khi C đang ở thành phố P đã nhờ chuyển khoản dịch vụ của ông H3 để lấy 95.000.000 đồng.

Tài khoản của CHU THI MO, là của chị Chu Thị M, là bạn của chị Bùi Thị N, khi C chuyển 25.000.000 đồng cho chị N, do tài khoản ngân hàng của chị N bị lỗi nên đã nhờ tài khoản của chị M để C chuyển vào tài khoản của chị M. Ngày 08/6/2022 chị chị M chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản của chị N còn lại 5.000.000 đồng chị M giữ lại trừ nợ với chị N như thỏa thuận trước đó. Chị N không biết số tiền do C phạm tội mà có do vậy ngày 6/3/2024 chị N tự nguyện trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 25.000.000 đồng.

Sau khi C bỏ trốn khỏi địa phương chị H1 đã tự nguyện đưa cho bà Nguyễn Thị H số tiền 30.000.000 đồng, trong đó có 10.00.000 đồng tiền Hoa hồng chị H1

nhận được từ Chức. Chị H1 còn cung cấp bản chụp thể hiện nội dung trao đổi giữa chị H1 và C về việc giảm số tiền từ 150.000.000 đồng và việc chuyển tiền cho C.

Cơ quan điều tra đã cho chị H1, bà H, chị C2, chị M nhận dạng đối với Bùi Văn C, kết quả nhận dạng chị H1, bà H, chị C2, chị M khẳng định Bùi Văn C chính là H2.

Cáo trạng số 26/CT-VKSLS, ngày 25/03/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình truy tố Bùi Văn C về tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản' theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình giữ nguyên cáo trạng và đề nghị: Tuyên bố Bùi Văn C phạm tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản", áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 38; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Bùi Văn C từ 04 năm đến 05 năm tù, buộc Bùi Văn C bồi thường 95.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H.

Bị cáo Bùi Văn C cho rằng số tiền chị H1 chuyển qua tài khoản LAM VAN HOAI và CHU THI MO cho C là tiền Chức vay chị H1, giữa C và bà H không quen biết và không thỏa thuận về việc C giúp bà H đòi nợ.

Chị H1 khẳng định số tiền chuyển cho C qua tài khoản khoản LAM VAN HOAI và CHU THI MO cho C là tiền của bà H chuyển cho C theo thỏa thuận giữa bà H và C.

Bà H yêu cầu C bồi thường số tiền 95.000.000 đồng và đề nghị xử lý Chức theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra* Công an huyện L*, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. *Về tội danh:*

Việc Bùi Văn C cho rằng số tiền chị H1 chuyển cho C là tiền Chức vay của chị H1, C đã ăn tiêu hết số tiền là không có căn cứ, bởi:

Chị H1 phủ nhận việc cho C vay tiền, số tiền 120.000.000 đồng Chị H1 chuyển cho C là tiền của bà H theo thỏa thuận giữa bà H và C, chị H1 giữ lại 10.000.000 đồng là tiền Chức hứa trả hoa hồng cho chị H1. Bà H, chị H1, chị C2 khẳng định việc thỏa thuận giữa C và bà H được diễn ra tại nhà bà H, trước sự có mặt của C, bà H, chị H1 và chị C2, việc gia đình bà H chuyển 130.000.000 đồng thông qua chị H1 để H1 chuyển tiền cho C là do C nói với bà H "là Tài khoản của C là tài khoản quốc tế nên không chuyển được" nên yêu cầu bà H chuyển cho chị H1 để H1 đưa cho C.

Quá trình khai báo tại cơ quan điều tra Bùi Văn C ban đầu khai việc yêu cầu H1 chuyển tiền vay vào tài khoản của Lâm Văn H3 là do C không có số tài khoản ngân hàng, sau đó C thay đổi lời khai có duy nhất một tài khoản Ngân hàng V1 mang tên Bùi Văn C và là do không có tài khoản ATM nên nhờ chuyển tiền vào tài khoản của Lâm Văn H3 để lấy tiền mặt; sau đó C khai có 02 tài khoản ngân hàng bao gồm tài khoản tại Ngân hàng M2 và tài khoản tại ngân hàng V1.

Từ những căn cứ trên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, xác định: Bùi Văn C là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Lợi dụng lòng tin của chị H1 và gia đình bà H, C dùng thủ đoạn đưa thông tin gian dối bằng việc giới thiệu bản thân có nhiều mối quan hệ, có khả năng giúp việc cho bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản là số tiền 130.00.000 đồng của Bà H, sau khi chiếm đoạt được tiền tắt kết nối điện thoại, bỏ trốn khỏi địa phương. Hành vi của Bùi Văn C là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ phạm vào tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Bùi Văn C là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Văn C phạm tội không có tình tiết tăng nặng, trách nhiệm hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hinh sự: Tại phiên tòa bà Bùi Thị L là mẹ của bị cáo Bùi Văn C xuất trình xác nhận ông Bùi Văn C3 (đã chết), thương binh hạng 4/4, người có công với cách mạng là ông nội của bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[3]. *Về hình phạt:* Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần lên một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã

hội một thời gian để giáo dục ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm nói chung.

Hội đồng xét xử cũng xem xét bị cáo, lao động tự do không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung theo Khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[4]. Về trách nhiệm dân sự

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo Bùi Văn C bồi thường số tiền 95.000.000 đồng, qua xem xét thấy: Bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị H 130.000.000 đồng, bị cáo để lại cho chị H1 10.000.000 đồng tiền hoa hồng, và chuyển cho chị N 25.000.000 đồng, quá trình điều tra chị H1, chị N đã trả lại số tiền 35.000.000 đồng nhận từ Chức cho bà H, do vậy số tiền còn lại 95.000.000 đồng cần buộc bị cáo C phải bồi thường là có căn cứ.

[5]. Về các vấn đề khác

Đối với Đinh Thị H1 là người giới thiệu Bùi Văn C cho bà Nguyễn Thị H, tham dự vào quá trình trao đổi, thống nhất giữa các bên, là người nhận 130.000.000đ từ gia đình bà H và chuyển cho C 120.000.000 đồng, còn 10.00.000 đồng H1 giữ lại là tiền hoa hồng. Sau khi phát hiện C đã không làm theo thỏa thuận với nhà bà H, biết C có hành vi lừa đảo, Chị H1 đã tố giác Bùi Văn C đến cơ quan điều tra. Quá trình điều tra xác định Đinh Thị H1 không biết việc C lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của bà H, do vậy xác định Đinh Thị H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Đối với Lâm Văn H3, là người cung cấp số tài khoản cho Bùi Văn C để H1 chuyển 95.000.000 đồng và rút tiền mặt đưa cho C, qua xác minh hiện Lâm Văn H3 không có mặt tại địa phương, do vậy cơ quan điều tra tác hành vi của Lâm Văn H3 để tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định.

Đối với chu Thị M1 là người được Bùi Thị N (vợ cũ của C) nhờ nhận số tiền 25.000.000 đồng, song không biết đây là số tiền C phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm là có căn cứ.

Đối với Bùi Thị N, là người nhận số tiền 25.000.000 đồng do C chuyển, song không biết đây là số tiền C phạm tội mà có, quá trình điều tra đã trả lại bà H số tiền 25.000.000 đồng, do vậy cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Bị cáo Bùi Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Bùi Văn C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 174; Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự, xử phạt Bùi Văn C 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/10/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc Bùi Văn C bồi thường cho bà Nguyễn Thị H 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Văn C phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.750.000 (bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- STP tỉnh HB;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- Công an huyện Lương Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Lương Sơn;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Bị hại;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trường Giang